TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1349/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 09/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về vụ việc tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4708/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1994
Địa chỉ: 32/40 Đường K, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông D, Dai T, sinh năm: 1995
Quốc tịch: Việt Nam.
Địa chỉ: 3431 X, Arlington, TX 76014, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Thị Kim N:

Bà và ông D, Dai T, sinh năm: 1995 tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký kết hôn số 85 ngày 11/4/2017. Sau khi kết hôn, bà với ông D, Dai T sống chung ở Việt Nam khoảng 02 tháng. Thời gian đầu thì vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, lối sống hàng ngày. Bà và ông D, Dai T đã nhiều lần ngồi nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tháng 06 năm 2017, ông D, Dai T trở về Mỹ sinh sống và làm việc, bà vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu, bà và ông D, Dai T vẫn thỉnh thoảng còn liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đầu năm 2018 đến hiện nay, ông D, Dai T không còn liên lạc hay trở về Việt Nam thăm bà.

Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, lại không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D, Dai T ổn định cuộc sống.

Con chung: Không có

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông D, Dai T đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N, cho bà N được ly hôn với ông D, Dai T; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kim N đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông D, Dai T hiện đang sinh sống tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kim N tham gia phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 09/10/2019 nhưng bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 15/5/2019.

Đối với ông D, Dai T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông D, Dai T tại địa chỉ: 3431 X, Arlington, TX 76014, USA.

Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 625/UTTPDS-TA30 ngày 25/9/2018. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 18/6/2019, thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 2 vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 17/7/2019.

Ngày 12/11/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được Văn bản số 2560/CH-BTP ngày 15/10/2018 về việc thông báo là Bộ Tư pháp đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp đến Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ để tống đạt giấy tờ đối với đương sự D, Dai T.

Đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông D, Dai T. Đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ông D, Dai T không có mặt, cũng không có văn bản trả lời, không có đơn xin xét xử vắng mặt được cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ xác nhận chữ ký hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Ngày 21/6/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 367/TATP-TGĐVNCTN gửi Bộ Tư pháp với nội dung đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với ông D, Dai T, sinh năm: 1995, quốc tịch Việt Nam tại địa chỉ 3431 X, Arlington, TX 76014, USA.

Ngày 23/7/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được công văn số 2080/ BTP-PLQT ngày 09/7/2019 của Bộ Tư pháp với nội dung " Bộ Tư pháp chưa nhận được văn bản trả lời chính thức của Công ty ABC Legal. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp đã trao đổi qua thư diện tử với công ty này và được thông báo Công ty ABC Legal đã thực hiện được việc tống đạt trực tiếp văn bản cho đương sự". Tuy nhiên, đến ngày xét xử ông D, Dai T vắng mặt.

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân quận T Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Kim N và ông D, Dai T ngày 11 tháng 4 năm 2017, vào sổ đăng ký kết hôn số 85 thì quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D, Dai T là hôn nhân hợp pháp.

Theo như bà N trình bày, sau khi kết hôn, bà với ông D, Dai T sống chung ở Việt Nam khoảng 02 tháng. Thời gian đầu thì vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống hàng ngày. Bà và ông D, Dai T đã nhiều lần ngồi nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tháng 06 năm 2017, ông D, Dai T trở về Mỹ sinh sống và làm việc, bà vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu, bà và ông D, Dai T vẫn thỉnh thoảng còn liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đầu năm 2018 đến hiện nay, ông D, Dai T không còn liên lạc hay trở về Việt Nam thăm bà. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không còn

Về phía ông D, Dai T, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho ông theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với cuộc hôn nhân này. Điều này cũng chứng tỏ là ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa ông với bà Nguyễn Thị Kim N. Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống. Do đó bà Nguyễn Thị Kim N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông D, Dai T là có căn cứ để chấp nhận để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng sau này.

Con chung: Không có.

Tai sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

-Về án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Thông tư 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N.

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông D, Dai T.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí số 0044910 ngày 21/6/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim N nhận tống đạt hợp lệ bản án. Đối với ông D, Dai T thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên